



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 30 (từ 23/7 – 27/7/2018)



ĐIỂM TIN

Giá Robusta kỳ hạn tuần này tăng 1,4%

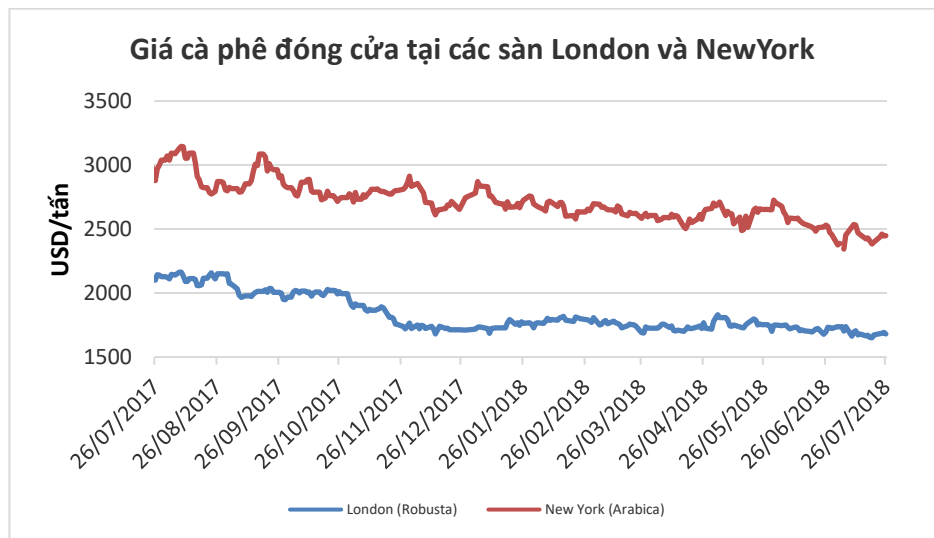
Giá Arabica kỳ hạn tuần này tăng 1,6%

Sản lượng thu hoạch và xuất khẩu cà phê Brazil dự kiến tăng mạnh trong tháng 7

Sản lượng cà phê tại Indonesia giảm do mưa lớn kéo dài

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.685,5 USD/tấn, tăng 1,4% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 21,2% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.693 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.680 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.448,5 USD/tấn, tăng 1,6% so với tuần trước và thấp hơn 12,8% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.461 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt



2.439 USD/tấn [1].

Giá cà phê tuần này tăng nhẹ trên cả 2 sàn kỳ hạn London và New York là do các nhà đầu tư bắt đầu mua hàng ở thời điểm giá hạ xuống thấp đến mức kỷ lục cuối tuần trước. Bên cạnh đó, thông tin Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBoC) đưa ra gói kích cầu trị giá 502 tỷ Nhân dân tệ (khoảng 74,2 tỷ USD) nhằm ngăn chặn suy thoái kinh tế nước này do căng thẳng thương mại với Mỹ nhiều tuần qua cũng giúp tăng hoạt động giao dịch trên các thị trường hàng hóa (bao gồm cà phê) [2].

Hãng phân tích Safras & Mercado tại Brazil cho biết nước này đã thu hoạch được khoảng 60% cà phê cho vụ mùa năm nay, ước tính đạt 13,5 triệu bao cà phê Robusta Conilon và 23,5 triệu bao cà phê Arabica. Tình hình thời tiết khô và ẩm áp hiện nay vẫn hỗ trợ thuận lợi cho việc thu hoạch của các nông dân trồng cà phê tại Brazil [2].

Trong khi đó, Hiệp hội các nhà Xuất khẩu Cà phê Brazil (Cecafé) ước tính xuất khẩu cà phê tháng 7/2018 của nước này đạt khoảng 2 triệu bao, tăng 25% so với cùng kỳ năm ngoái nhờ lượng hàng xuất khẩu cà phê niên vụ mới đã bắt đầu được đưa tới các cảng tại nước này [4].

Theo Hiệp hội các nhà Xuất khẩu Cà phê Indonesia (AICE), thời tiết mưa lớn liên tục kéo dài hiện nay gây ảnh hưởng xấu đến thu hoạch cà phê tại nước này. Thêm vào đó, đại diện tổ chức này còn cho biết, tại phía Nam đảo Sumatra (khu vực trồng cà phê lớn nhất Indonesia), nhiều nông dân đã chuyển đổi các vườn cà phê sang cây trồng khác. Theo đó, sản lượng thu hoạch cà phê của Indonesia trong niên vụ này có thể giảm xuống thấp hơn niên vụ trước [2].

Thời tiết khô nóng tại khu vực Trung Mỹ hiện nay có thể ảnh hưởng đến chất lượng cà phê tại một số quốc gia trong khu vực này như Honduras và El Salvador do cây cà phê tại đây đang trong giai đoạn nuôi quả và cần lượng nước tưới tiêu đầy đủ để phát triển tốt. Các nước này sẽ bắt đầu thu hoạch cà phê vào tháng 10 năm nay với sản lượng được dự đoán lần lượt là 7,4 triệu bao tại Honduras và 600 nghìn bao tại El Salvador [4].

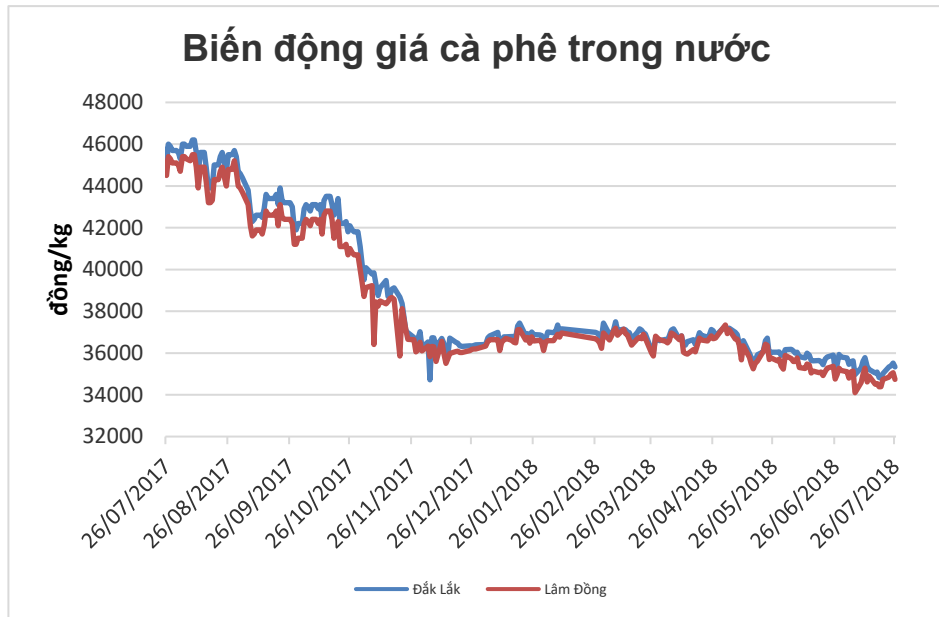


ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên và giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) tăng nhẹ so với tuần trước theo xu hướng giá cà phê thế giới

Xuất khẩu cà phê nửa đầu tháng 7/2018 tăng 5,9% về lượng so với cùng kỳ năm ngoái

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thụ tập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này tăng nhẹ so với tuần trước theo giá Robusta trên sàn kỳ hạn London. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 35.388 đ/kg, tăng 1,24% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 21,85% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 1,14% so với tuần trước lên mức 34.906 đ/kg, và vẫn thấp hơn 21,9% so với cùng kỳ năm trước [5].

Cùng xu hướng, giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.566 USD/tấn, tăng 1,5% so với tuần trước và vẫn thấp hơn 25,6% so với cùng kỳ năm 2017 [7].

Theo số liệu của Tổng Cục Hải quan, xuất khẩu cà phê từ ngày 01 – 15/7/2018 đạt 57,7 nghìn tấn với giá trị đạt 108,2 triệu USD, tăng 5,9% về lượng và giảm 12,6% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế xuất khẩu cà phê từ đầu năm đến ngày 15/7/2018 đạt 1,09 triệu tấn, kim ngạch thu về đạt 2,11 tỷ USD, lần lượt tăng 10,5% về lượng nhưng giảm 5,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017 [8].

Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ,



thị phần cà phê nhập khẩu từ Việt Nam trong 5 tháng đầu năm tại nước này chiếm 16,1%, giảm so với mức 16,9% thị phần trong 5 tháng đầu năm 2017 do lượng nhập khẩu cà phê Việt Nam giảm 8,8% trong giai đoạn này. Việt Nam hiện vẫn đang là thị trường cung cấp cà phê lớn thứ 3 tại Hoa Kỳ [4].

Tuần trước, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam vừa đưa dây chuyền sản xuất cà phê viên nén nhãn hiệu “NESCAFÉ Dolce Gusto” tại Nhà máy Nestlé Trị An, khu công nghiệp Amata, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Theo đó, dây chuyền sản xuất NESCAFÉ Dolce Gusto dự kiến sẽ sản xuất viên nén cà phê với công suất khoảng 2.500 tấn cà phê/năm (tương đương 130 triệu viên) sử dụng 100% nguyên liệu thô từ hạt cà phê trồng tại Việt Nam có chất lượng cao, cho ra dòng sản phẩm cao cấp sử dụng máy pha cà phê. Sản phẩm cà phê viên nén do Nestlé Việt Nam sản xuất sẽ tiêu thụ trong nước khoảng 10%, còn lại 90% được xuất khẩu sang 13 thị trường trên thế giới. Tại châu Á, một số thị trường tiêu thụ mạnh như: Thái Lan, Malaysia, Singapore, Hồng Kông, Đài Loan... [6].

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <https://www.agra-net.com/agra/international-coffee-report/>
- [3]. <http://trademap.org/>
- [4]. <http://scasa.co.za>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
CưM'gar (xôvối)	35.400	35.467	35.567	35.367	35.450	443
Ea H'leo (xôvối)	35.467	35.500	35.667	35.500	35.533	473
Krông Năng (xôvối)	35.233	35.267	35.433	35.233	35.292	432
<i>Giá công ty</i>						
CưM'gar (xôvối)	35.700	35.800	35.900	35.700	35.775	455
Ea H'leo (xôvối)	35.800	35.800	36.000	35.800	35.850	450
Krông Năng (xôvối)	35.400	35.500	35.600	35.400	35.475	475
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	34.733	34.800	35.000	34.700	34.808	315
Lâm Hà (xôvối)	35.000	35.133	35.200	35.000	35.083	523
Đà Lạt (xôchè)	41.667	42.667	42.667	43.167	42.542	1908
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	35.233	35.300	35.500	35.200	35.308	328
Lâm Hà (xôvối)	35.500	35.700	35.767	35.600	35.642	555
Đà Lạt (xôchè)	42.667	43.667	43.667	44.167	43.542	1908
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xôvối)	35.250	35.550	35.550	35.350	35.425	475
ĐắkR'lấp (xôvối)	35.333	35.433	35.533	35.233	35.383	470
Đắk Song (xôvối)	35.450	35.550	35.650	35.350	35.500	470
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xôvối)	35.650	36.000	36.000	35.900	35.888	438
ĐắkR'lấp (xôvối)	35.667	35.767	35.867	35.567	35.717	470
Đắk Song (xôvối)	35.800	35.900	36.000	35.700	35.850	470



Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xôvối)	35.300	35.333	35.367	35.100	35.275	482
Pleiku (xôvối)	35.433	35.433	35.533	35.200	35.400	520
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xôvối)	35.400	35.433	35.483	35.233	35.387	494
Pleiku (xôvối)	35.533	35.550	35.633	35.300	35.504	524
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xôvối)	34.844	34.978	35.067	34.733	34.906	394
Đắk Hà (xôvối)	35.247	35.359	35.438	35.189	35.308	447
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xôvối)	35.344	35.500	35.589	35.267	35.425	414
Đắk Hà (xôvối)	35.553	35.684	35.766	35.514	35.629	444

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn